

Số: 179 /TTYT-KD  
V/v mời báo giá

Chu Văn An, ngày 06 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế Chí Linh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá Gói thầu: Mua sắm Y cụ và vật tư y tế tiêu hao phục vụ cho dụng cụ mổ nội soi năm 2026 của Trung tâm Y tế Chí Linh, với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Chí Linh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Nguyễn Huy Phúc - Khoa Dược – TTB – Vật tư y tế - Trung tâm Y tế Chí Linh;

Địa chỉ: Số 358, Phố Nguyễn Trãi, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0989388525

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Khoa Dược – TTB – Vật tư y tế - Trung tâm Y tế Chí Linh;

Địa chỉ: Số 358, Phố Nguyễn Trãi, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0220.3882.282

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 08 tháng 04 năm 2026 đến trước 17h00 ngày 17 tháng 04 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 16 tháng 04 năm 2026.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá**

1. Danh mục vật tư y tế: *Có biểu kèm theo.*

2. Địa điểm cung cấp:

Trung tâm Y tế Chí Linh;

Địa chỉ: Số 358, Phố Nguyễn Trãi, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0220.3882.282

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Từ ngày 08 tháng 05 năm 2026 đến ngày 25 tháng 05 năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không

Trung tâm Y tế Chí Linh rất mong nhận được sự tham gia của Quý công ty.  
Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, KD, TCKT.



**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Đức Thiệu**



**PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HOÁ**

(Kèm theo công văn số 179 /TTYT-KD ngày 06 /04/2026 của Trung tâm Y tế Chí Linh)

Gói thầu: Mua sắm Y cụ và vật tư y tế tiêu hao phục vụ cho dụng cụ mổ nội soi năm 2026 của Trung tâm Y tế Chí Linh

Đơn vị tính: đồng

| STT | Danh mục hàng hóa                                             | Đơn vị tính | Khối lượng | Xuất xứ [Ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất] | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) | Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|     | <b>I. Vật tư y tế tiêu hao phục vụ cho dụng cụ mổ nội soi</b> |             |            |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 1.  | Dây đốt đơn cực                                               | Chiếc       | 2          |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 2.  | Gioăng cao su trocar cỡ 6mm                                   | Chiếc       | 10         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 3.  | Gioăng cao su trocar cỡ 11mm                                  | Chiếc       | 10         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 4.  | Kẹp clip                                                      | hộp         | 1          |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 5.  | Kim kẹp clip cỡ đại, trung, nhỏ                               | cái         | 3          |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 6.  | Van trocar 10                                                 | Chiếc       | 2          |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 7.  | Ruột kelly                                                    | Chiếc       | 1          |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 8.  | Ruột pipolar                                                  | Chiếc       | 1          |                                                                                 |                                                 |                                                   |
|     | <b>II. Y cụ</b>                                               |             |            |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 9.  | Giường nôi trẻ em inox 304<br>Kích thước: 1.300x1.080 x610mm  | cái         | 01         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 10. | Xe đẩy cáng bệnh nhân inox 304                                | cái         | 03         |                                                                                 |                                                 |                                                   |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                       | Đơn vị tính | Khối lượng | Xuất xứ [Ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất] | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) | Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 11. | Optic O độ trẻ em 2.7 mm                                                | cái         | 01         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 12. | Optic O độ trẻ em 3.0 mm                                                | cái         | 01         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 13. | Tủ sấy dụng cụ Galy                                                     | cái         | 02         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 14. | Ambu bóp bóng người lớn                                                 | cái         | 02         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 15. | Ambu bóp bóng trẻ em                                                    | cái         | 02         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 16. | Bộ nẹp cổ cứng                                                          | cái         | 02         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 17. | Bộ nẹp tay chân                                                         | Bộ          | 02         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 18. | Cáng cứu thương                                                         | cái         | 02         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 19. | Giường bệnh nhân inox 304                                               | cái         | 04         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 20. | Đèn gù                                                                  | cái         | 02         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 21. | Cân có thước đo chiều cao                                               | cái         | 01         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 22. | Đèn thị lực                                                             | cái         | 02         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
|     | <b>III. Linh kiện cho máy điện tim 6 cần</b>                            |             |            |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 23. | Dây điện tim                                                            | Bộ          | 01         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 24. | Điện cực chi                                                            | Bộ          | 01         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
| 25. | Điện cực ngực                                                           | Bộ          | 01         |                                                                                 |                                                 |                                                   |
|     | <b>Tổng cộng giá của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b> |             |            |                                                                                 |                                                 |                                                   |